

UY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5303/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 6 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG TP. ĐÀ NẴNG	Về việc phê duyệt Đề án Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2014
Số: 594	
Ngày: 27.6	
<b>ĐẾN</b>	
Chuyên:	

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 6223/QĐ-UBND ngày 18 tháng 08 năm 2010 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thông báo kết luận số 242-TB/TW của Bộ Chính trị về việc "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020" trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án "Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2014"

### Điều 2.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Đề án.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp và triển khai thực hiện Đề án kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài nguyên và Môi trường. Chủ tịch UBND các quận, huyện và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT;
- TVTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Lưu: VTLT, VX.

20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Văn Minh

**ĐỀ ÁN**

**Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2014**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5303/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 6 năm 2011 của UBND thành phố Đà Nẵng)

**Mở đầu**

**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Giáo dục mầm non (GDMN) có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho việc hình thành, phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ và hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách để làm tiền đề cần thiết cho trẻ bước vào trường phổ thông.

Trong những năm qua, thành phố đã bố trí tỉ lệ kinh phí đáng kể cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của thành phố nói chung, cho GDMN nói riêng, do đó, đã tạo được những chuyển biến rõ nét về cơ sở vật chất- kỹ thuật (CSVK-KT) trường học. Thực hiện Nghị quyết Trung ương II khoá VIII (NQTW2), UBND thành phố đã phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường mầm non tại Quyết định số 141/2001/QĐ-UB ngày 18/9/2001. Sự nghiệp GD&ĐT của thành phố được mở rộng về quy mô, chất lượng dạy và học ở các bậc học, ngành học, trong đó có GDMN được từng bước nâng lên. Chủ trương xã hội hoá giáo dục, đa dạng hóa loại hình trường, lớp được triển khai sâu rộng, loại hình trường lớp mầm non ngoài công lập phát triển mạnh.

Mặc dù vậy, việc thực hiện các chính sách về phát triển GDMN của thành phố vẫn còn những hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng. Mạng lưới trường lớp mầm non chưa đủ để huy động trẻ ra lớp đồng đều giữa các vùng, miền. Ở một số địa bàn quận, huyện, việc xây dựng các khu dân cư chưa gắn với qui hoạch đất đai để xây dựng trường, lớp mầm non. Bên cạnh đó, nhận thức về vị trí, vai trò của GDMN, nhất là mầm non năm tuổi chưa được chính quyền các cấp, các bậc cha mẹ và xã hội quan tâm đúng mức.

Vì vậy, tiến hành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi nhằm nâng cao chất lượng GDMN trên địa bàn, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc, vùng khó khăn, tạo điều kiện khởi đầu cho sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như đặt nền tảng cho việc hình thành nhân cách, tạo tiền đề quan trọng cho trẻ khi vào trường phổ thông.

## Phần thứ nhất

# THỰC TRẠNG VỀ GIÁO DỤC MẦM NON THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 1. Mạng lưới trường, lớp và qui mô học sinh

#### a) Về mạng lưới:

- Số lượng trường, lớp: hiện nay, trên địa bàn thành phố có 125 trường mầm non; trong đó, có 62 trường công lập, chiếm tỷ lệ 49,6%; 63 trường ngoài công lập (02 trường dân lập và 61 trường tư thục) chiếm tỷ lệ 50,40%. Toàn thành phố có 2228 nhóm lớp, trong đó có 421 lớp mẫu giáo năm tuổi.

- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: 25 trường, tỷ lệ 20%; trong đó, có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2 (MN Hoa Phượng Đỏ - quận Hải Châu, MN tư thục Hồng Nhung - quận Thanh Khê).

- Hầu hết các xã, phường trên địa bàn thành phố đã có ít nhất 01 trường mầm non công lập. Riêng phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu chưa có trường mầm non công lập; phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn đang triển khai xây dựng trường mầm non công lập.

#### b) Về qui mô:

- Hiện nay, toàn thành phố có 43.315 trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp ở các độ tuổi cụ thể như sau:

+ Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ: 9.970/27.565 cháu (đạt tỷ lệ 36,1%);

+ Trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo: 33.345/37.127 cháu (đạt tỷ lệ 90%);

+ Trẻ năm tuổi vào mẫu giáo: 12.100/12.370 cháu (đạt tỷ lệ 97,8%);

+ Tỷ lệ trẻ học trong các cơ sở GDMN ngoài công lập: nhà trẻ có 7.683 / 9.970 cháu, chiếm 77,06%; mẫu giáo có 15.525/33.277 cháu, chiếm 46,6%;

+ Tỷ lệ trẻ mẫu giáo học bán trú đạt 95,4%.

- Một số đơn vị trường mầm non chưa đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; vẫn còn một số trường mầm non có nhiều điểm lẻ là nguyên nhân làm hạn chế cho công tác quản lý, đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục, khó khăn trong việc tổ chức bán trú cho trẻ tại trường.

- Nhiều trường mầm non trên địa bàn thành phố có tỷ lệ bình quân diện tích đất trên học sinh không đạt chuẩn qui định ( $12\text{m}^2/\text{trẻ}$  đối với khu vực nông thôn, miền núi,  $8\text{m}^2/\text{trẻ}$  đối với khu vực thành phố, thị xã); diện tích phòng sinh hoạt chung chưa đảm bảo theo yêu cầu của Điều lệ trường mầm non.

- Do ảnh hưởng của việc quy hoạch chỉnh trang đô thị nên việc xây dựng

kế hoạch phát triển GDMN hàng năm ở một số xã, phường chưa chủ động.

- Tại các xã miền núi số trẻ được ăn bán trú tại trường đạt tỉ lệ thấp so với các vùng trung tâm thành phố.

## **2. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ**

### **a) Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe:**

- Các cơ sở GDMN thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ theo qui định của Bộ GD&ĐT, công tác khám sức khỏe định kỳ, cân đo theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Chú trọng việc đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo quy định và thực hiện các biện pháp tích cực nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và tỷ lệ trẻ béo phì hằng năm đạt hiệu quả.

- Trẻ suy dinh dưỡng chiều cao (thấp còi): 1.045/43.315 cháu (tỉ lệ 2,4%).

- Trẻ suy dinh dưỡng cân nặng: 1.196 /43.315 cháu (tỉ lệ 2.76%).

### **b) Kết quả và biện pháp triển khai chương trình GDMN**

- Sau bốn năm được Bộ GD&ĐT chọn triển khai thực hiện thí điểm, tiếp cận chương trình GDMN (Chương trình GDMN được ban hành chính thức tại Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ GD&ĐT), đến năm học 2010-2011, thành phố Đà Nẵng đã có 100% trường mầm non triển khai thực hiện.

- Qua quá trình triển khai, đã giúp trẻ phát triển mang tính toàn diện, hình thành cho trẻ các kỹ năng sống phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, phát huy được tính tích cực, tự tin, chủ động, sáng tạo của trẻ. Cuối mỗi năm trẻ các độ tuổi đạt tỷ lệ 95-100 % theo các chỉ số đánh giá ở các lĩnh vực phát triển về nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm-xã hội.

- Ở một số trường mầm non ở trung tâm và các trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm của thành phố, trẻ mẫu giáo đã được làm quen chương trình Kidsmart.

- Do điều kiện CSVC, trang thiết bị giáo dục (thiếu trang thiết bị về công nghệ thông tin, thiết bị đồ chơi đồng bộ cho các nhóm, lớp mầm non), đội ngũ giáo viên và điều kiện kinh tế giữa các vùng miền chưa đồng đều, dẫn đến sự chênh lệch về chất lượng CSGD trẻ.

## **3. Thực trạng về đội ngũ cán bộ**

### **a) Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên**

- Tổng số: 4.527 người. Trong đó: cán bộ quản lý: 279 người; giáo viên: 3.066 người; nhân viên: 1.182 người.

- Về cơ bản, các trường đã bố trí đủ giáo viên cho các nhóm lớp để phục vụ cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, tỉ lệ giáo viên/trẻ ở nhiều trường, nhiều nhóm lớp.

***b) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ***

- Cán bộ quản lý: 100% đạt trình độ chuẩn; trong đó, 80,4% trên chuẩn;
- Giáo viên: 100% đạt trình độ chuẩn; trong đó, 82,5% trên chuẩn;
- Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên đạt 92%;
- Nhân viên: 16,1% đạt trình độ trên chuẩn và 44,5% đạt trình độ chuẩn đào tạo đối với nhân viên kế toán, văn thư, kỹ thuật vi tính, nha sĩ.

Mặc dù tỉ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn khá cao nhưng vẫn phải thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Một số cán bộ quản lý giáo dục chưa qua các lớp đào tạo về nghiệp vụ quản lý, đặc biệt là cử nhân, thạc sĩ quản lý giáo dục.

***c) Công tác quy hoạch đội ngũ CBQL***

Nhằm chuẩn bị đội ngũ kế cận của ngành trong thời gian đến, trên cơ sở Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư, Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 09/01/2007 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thành phố Đà Nẵng đến năm 2010” và Công văn số 1124-CV/TU ngày 16/3/2009 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về công tác quy hoạch cán bộ; Sở và các phòng GD&ĐT đã tiến hành quy hoạch cán bộ dự nguồn, gồm 65 hiệu trưởng và 113 phó hiệu trưởng để chuẩn bị đội ngũ kế cận.

***d) Công tác đào tạo bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với đội ngũ***

- UBND thành phố đã chỉ đạo Sở GD&ĐT phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, nâng chuẩn đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho CBQL, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ khoản chênh lệch tiền lương tăng thêm, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả theo lương cho CB-GV-NV hợp đồng; đồng thời, thực hiện hợp đồng lao động sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập, tạo được sự công bằng trong chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp như CB-GV-NV trong biên chế.

- Mặc dù số lượng CBQL-GV đạt chuẩn đào tạo cao, song đa số đội ngũ giáo viên và CBQL mới được đào tạo, bổ nhiệm nên năng lực về nghề nghiệp,

quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình GDMN mới hiện nay. Bên cạnh đó, nội dung chương trình đào tạo của các trường sư phạm chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDMN hiện nay nên việc tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên là rất cần thiết.

## **Phần thứ hai**

### **QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Cơ sở pháp lý để xây dựng đề án**

- Nghị quyết số 35/QH12/2009 của Quốc hội khóa XII về chủ trương định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong GD&ĐT từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;
- Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015;
- Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015;
- Thông tư số 71/2008/TT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN;
- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình GDMN;
- Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng-Đồ chơi-Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN;
- Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi;
- Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 31/3/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành GD&ĐT thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.

#### **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong GDMN nhằm chuẩn bị tốt nhất cho trẻ vào lớp 1 trên địa bàn thành phố. Đến năm 2014, thành phố Đà Nẵng phấn đấu hoàn thành có chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.
- Việc chăm lo để trẻ em năm tuổi được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội. Đẩy mạnh xã hội hoá GDMN đồng thời với việc phát huy vai trò nòng cốt của các trường trọng điểm, trường chuẩn quốc gia.
- Tăng cường công tác quản lý, đầu tư phát triển GDMN, hỗ trợ cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ giáo viên; ưu tiên đầu tư các quận, huyện có điều kiện kinh



tế - xã hội khó khăn, vùng núi, theo hướng xây dựng các trường công lập kiên cố, đạt chuẩn.

- Nâng cao chất lượng thực hiện nội dung chương trình GDMN theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

### 3. Mục tiêu

Đến năm 2014, đảm bảo 100% trẻ em năm tuổi trên địa bàn toàn thành phố đến lớp mẫu giáo để được chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, hàng năm có ít nhất 95% trẻ em năm tuổi đạt chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, nhằm chuẩn bị tốt về thể lực, kiến thức, sẵn sàng về tâm lý, tạo tiền đề tốt để trẻ vào lớp 1.

### 4. Nhiệm vụ cụ thể

a) Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp đảm bảo huy động hết trẻ em năm tuổi, duy trì và phát triển số lượng trẻ dưới năm tuổi đến trường. Cụ thể: đến năm 2014, trẻ em năm tuổi đến trường tăng 2,2% (đạt tỷ lệ 100%); trẻ em từ ba đến bốn tuổi đến trường tăng 8,5% (đạt tỷ lệ 95%), trẻ nhà trẻ được chăm sóc - giáo dục trong các cơ sở GDMN tăng 9,9% (đạt 45%). Tiến độ huy động trẻ em năm tuổi cụ thể như sau:

#### Quy mô trẻ em năm tuổi đến lớp công lập và ngoài công lập giai đoạn 2010 - 2015

Qui mô \ Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Trẻ em năm tuổi	12,370	12,265	12,510	12,760	13,015	13,275
Tỷ lệ huy động (%)	97.82	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
Số học sinh năm tuổi	12,100	12,265	12,510	12,760	13,015	13,275
- Công lập	6,950	7,373	7,200	7,100	7,000	6,900
- Ngoài công lập	5,150	4,892	5,310	5,660	6,015	6,375
Tỷ lệ% ngoài công lập	42.56	39.89	42.45	44.36	46.22	48.02

b) Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với trẻ em năm tuổi, duy trì 100% trẻ năm tuổi được học Chương trình GDMN, trẻ học bán trú tăng 4,6% (đạt tỉ lệ 100%). Tăng cường chất lượng bữa ăn, đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng, phối hợp cha mẹ học sinh chăm sóc trẻ để giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 1,5%.

c) Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, bảo đảm giáo viên dạy trẻ em năm tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, đến năm 2014 có 100% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non và đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

d) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non năm tuổi ở các xã miền núi và vùng khó khăn như: trường mầm non Hòa Phú, Hòa Bắc, Hòa Ninh, Hòa Liên, Hòa Sơn huyện Hòa Vang. Xây dựng Trường mầm non Hòa Tiến 1, Trường mầm non Hoa Phượng Đỏ đạt chuẩn quốc gia làm mô hình mẫu, là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ GDMN phù hợp với đặc điểm cho từng địa bàn.

đ) Xây dựng kế hoạch cụ thể để đến năm 2014 có 100% quận, huyện đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

e) Tiếp tục xây mới phòng học, cải thiện cơ sở vật chất của các phòng học cũ để đảm bảo các trường mầm non có đủ phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn; trường, lớp đảm bảo các điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

g) Các lớp mẫu giáo năm tuổi được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu; các trường trọng điểm, trường chuẩn quốc gia có đủ các bộ đồ chơi, thiết bị và phần mềm Kidsmart.

h) Cải tạo cơ sở vật chất để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập.

i) Đảm bảo giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo đúng qui định hiện hành.

k) Trẻ em trong các cơ sở GDMN được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành, được chăm sóc giáo dục theo chương trình GDMN mới, trẻ em dân tộc được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp một.

**Phần thứ ba**  
**CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi**

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

b) Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau như: xuất bản phẩm; thông qua báo, Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng; các hội nghị, hội thảo... để phổ biến các nội dung của Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

**2. Tăng cường huy động trẻ em năm tuổi đến lớp**

a) Hằng năm, huy động 100% trẻ em năm tuổi đến lớp mầm non để thực hiện chăm sóc, giáo dục. Tăng cường công tác vận động để tăng tỉ lệ huy động trẻ ba và bốn tuổi tham gia học tập tại các cơ sở GDMN.

b) Hằng năm, đưa chỉ tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi vào chương trình; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các quận, huyện, xã, phường để chỉ đạo thực hiện. Chính quyền địa phương giao trách nhiệm cho các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phối hợp vận động các gia đình đưa trẻ em năm tuổi đến trường.

**3. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục cho trẻ em năm tuổi**

a) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới cho 100% nhóm, lớp, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em năm tuổi.

b) Nâng cao chất lượng tổ chức ăn bán trú cho trẻ năm tuổi, quan tâm đến chất lượng bữa ăn và đảm bảo an toàn cho trẻ về thể chất và tinh thần, từng bước giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 1,5% vào năm 2014.

c) Triển khai, hướng dẫn sử dụng bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, phấn đấu có 95% -100% trẻ năm tuổi đạt chuẩn phát triển hằng năm.

#### **4. Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN**

##### **a) Đối với loại hình công lập**

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu phổ cập và đổi mới GDMN.

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện Chương trình GDMN mới. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng của giáo viên các xã miền núi.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên, nhân viên hợp đồng trong trường mầm non công lập, đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thi tuyển bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý trong trường mầm non công lập.

- Thực hiện tuyển dụng giáo viên mầm non, đáp ứng yêu cầu phát triển GDMN của thành phố; thực hiện tuyển giáo viên hợp đồng trong ngân sách cho 100% giáo viên dạy lớp năm tuổi đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định.

##### **\* Giai đoạn 2011 – 2012**

+ Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL và giáo viên tham gia Đề án.

+ Bồi dưỡng và bố trí giáo viên mầm non biết tiếng dân tộc giảng dạy tại các lớp mầm non có trẻ em người dân tộc thiểu số (xã Hòa Phú và Hòa Bắc, huyện Hòa Vang).

+ Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước (QLNN), lý luận chính trị và quản lý giáo dục cho đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở GDMN.

##### **\* Giai đoạn 2013 – 2014**

+ Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để 100% giáo viên mầm non tham gia Đề án có trình độ trên chuẩn.

+ Tuyển dụng và bố trí giáo viên trong các lớp mầm non năm tuổi đủ số lượng theo Điều lệ trường mầm non.

##### **b) Đối với loại hình ngoài công lập**

- Thực hiện tuyển dụng giáo viên mầm non được đào tạo chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu phát triển GDMN của thành phố; đảm bảo số giáo viên dạy lớp mẫu giáo năm tuổi đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định để thực hiện tốt

công tác phổ cập cho trẻ mẫu giáo năm tuổi.

- Các cơ sở GDMN ngoài công lập bảo đảm chế độ lương và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành.

### **5. Cũng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp, xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị, bảo đảm ngân sách cho các lớp mầm non năm tuổi**

#### ***a) Mở rộng mạng lưới trường, lớp***

##### ***- Về mạng lưới:***

+ Đến năm 2014, có 146 trường mầm non (tăng 21 trường so với năm học 2010 - 2011), trong đó có: 67 trường mầm non công lập (tăng 5 trường) chiếm tỉ lệ 45,89%; 79 trường mầm non ngoài công lập (tăng 16 trường) tỉ lệ 54,1%.

+ Việc xây dựng trường công lập được thực hiện tại 2 phường Khuê Mỹ (quận Ngũ hành Sơn) và Hòa Thuận Tây (quận Hải Châu) mới thành lập và thực hiện chia tách đối với trường có nhiều điểm lẻ tại xã Hòa Châu, Hòa Phong, Hòa Liên (huyện Hòa Vang); phường Hòa Minh, Hòa Khánh Nam (quận Liên Chiểu). Đối với loại hình tư thục, địa bàn phát triển chủ yếu tại Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà, Cẩm Lệ.

##### ***- Về quy mô:***

+ Tiếp tục nâng cao tỷ lệ huy động trẻ năm tuổi đến lớp; trong đó, đảm bảo đến năm 2014 đạt 100% trẻ năm tuổi được học trong các cơ sở GDMN.

+ Đảm bảo sĩ số trẻ/lớp trong các lớp mẫu giáo năm tuổi theo quy định của Điều lệ trường Mầm non.

#### ***b) Xây dựng phòng học cho các lớp mẫu giáo năm tuổi***

- Theo Quy định tại Tiêu chuẩn về quy mô, CSVC và thiết bị của Quyết định số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/7/2008 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015 (Ban hành kèm theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ); tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại và thực hiện kế hoạch theo lộ trình đầu tư tại các Đề án.

- Năm học 2011-2012, chú trọng việc đầu tư cơ sở vật chất- kỹ thuật theo Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011-2014, cụ thể như sau:

+ Ưu tiên xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi trên địa bàn và trường đạt chuẩn quốc gia cho các xã miền núi;

+ Xây dựng đủ phòng học và khối phòng chức năng theo chương trình kiên cố hóa trường lớp, theo tiêu chuẩn được quy định tại Điều lệ trường mầm

non và Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm đủ phòng học kiên cố vào năm 2014 cho tất cả các lớp mầm non năm tuổi.

**c) Bảo đảm đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện chương trình GDMN mới, nâng cao chất lượng GDMN cho trẻ em năm tuổi**

- Năm 2012, 100% trường mầm non được trang bị máy vi tính và được kết nối mạng Internet phục vụ cho công tác quản lý.

- Đến năm học 2012-2013, trang bị bộ thiết bị tối thiểu và bộ thiết bị nội thất dùng chung cho 100% lớp mầm non năm tuổi để thực hiện Chương trình GDMN mới và cung cấp đủ số thiết bị cho các nhóm/lớp trẻ em dưới năm tuổi ở tất cả các loại hình có đủ điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN.

- Đến năm 2014, 100% trường mầm non có đủ bộ đồ chơi ngoài trời.

**d) Đối với loại hình ngoài công lập**

Trường phải đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật theo Điều lệ trường mầm non và đáp ứng nhu cầu thực hiện tốt công tác phổ cập trẻ mẫu giáo năm tuổi (phòng học, phòng chức năng; trang bị đủ đồ dùng dạy học-đồ chơi theo qui định hiện hành của GDMN).

**6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi**

a) Lồng ghép các chương trình dự án khác nhau trên cùng một địa bàn và huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; phụ huynh có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập theo tinh thần Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Tại các phường, xã khó khăn, có giải pháp thích hợp huy động các nguồn lực cùng với ngân sách nhà nước để cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất các trường mầm non.

d) Tranh thủ sự giúp đỡ của các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

**7. Tổ chức điều tra cơ bản**

a) Tổ chức tổng điều tra toàn thành phố số trẻ từ 0 đến 5 tuổi để xây dựng kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

b) Trong quá trình điều tra đối tượng từ 0-5 tuổi, yêu cầu phải phân tích rõ tình trạng cư trú, hoàn cảnh gia đình, tâm tư nguyện vọng của gia đình trẻ nhằm có biện pháp phù hợp trong việc tiến hành phổ cập giáo dục.

c) Thời gian điều tra, cập nhật hồ sơ, lập thống kê hoàn thành trước ngày 05 tháng 10 hằng năm, đảm bảo độ sai sót dưới 1%.

### **8. Tổ chức vận động ra lớp, duy trì số lượng, nâng cao hiệu quả GDMN; duy trì, củng cố kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi**

a) Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục (chỉ đạo các nhiệm vụ PCGD-CMC và XDXHHHT bao gồm cả công tác PCGDMN cho trẻ em năm tuổi, gọi chung là Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục), Hội đồng Giáo dục các quận, huyện và các phường, xã thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp gia đình-nhà trường-địa phương nắm bắt sâu sát hoàn cảnh, tình hình học tập, chăm lo điều kiện cơ sở vật chất và có chính sách hỗ trợ cho trẻ được đến trường, tuyệt đối không để trẻ em năm tuổi ngoài cơ sở GDMN.

b) Trong quá trình thực hiện, Ban chỉ đạo Phổ cập GDMN các cấp tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả vận động để rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng hoạt động phù hợp.

### **9. Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN**

a) Các cơ sở GDMN thực hiện hiệu quả mục tiêu cuối độ tuổi của chương trình GDMN theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ GD&ĐT; chú trọng việc thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ mầm non, chú trọng chất lượng giáo dục trẻ mẫu giáo năm tuổi.

b) Thực hiện tốt nội dung giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

### **10. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em năm tuổi có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ em khuyết tật**

a) Thực hiện chính sách hỗ trợ cho số trẻ em năm tuổi có hoàn cảnh gia đình khó khăn: hỗ trợ tiền ăn theo quy định để tạo điều kiện cho trẻ tham gia học tập.

b) UBND và Hội đồng Giáo dục các quận, huyện và các phường, xã thường xuyên chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, nhân dân địa phương và các tổ chức xã hội chăm lo về vật chất và tinh thần cho trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ em khuyết tật.

**11. Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi**

a) Ban chỉ đạo PCGD thành phố hướng dẫn và tổ chức kiểm tra đánh giá công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi theo nội dung như sau:

- Hướng dẫn thống nhất biểu mẫu hồ sơ.

- Tổ chức đánh giá các hoạt động đầu năm học về việc: Điều tra, cập nhật hồ sơ, thống kê số liệu và tình hình huy động.

b) Các phường, xã tự kiểm tra công nhận hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

c) Ban chỉ đạo PCGD quận, huyện tổ chức các đoàn kiểm tra đánh giá đối với các phường, xã.

d) Ban chỉ đạo PCGD thành phố tổ chức các đoàn kiểm tra đánh giá đối với các quận, huyện.



**Phần thứ tư**  
**KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Nhu cầu kinh phí đối với loại hình công lập**

**a) Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng: 90.919 triệu đồng, bao gồm:**

- Đầu tư xây dựng 120 phòng học để đạt tỷ lệ 1 lớp/ 1 phòng học với tỷ lệ kiên cố 100%, mức chi phí đầu tư xây dựng bình quân một phòng diện tích 110m<sup>2</sup>, giai đoạn từ 2011-2014 tổng kinh phí xây dựng là 52.173 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng các công trình phụ trợ khối phòng chức năng từ 2011 - 2014 tổng kinh phí là 38.746 triệu đồng.

**Biểu 1: Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng**

Nội dung công việc Năm thực hiện	XD phòng học mới		XD phòng chức năng		Tổng kinh phí (triệu đồng)
	Số lượng (phòng)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (phòng)	Kinh phí (triệu đồng)	
2011	6	2.376	10	2.873	5.249
2012	44	18.150	45	13.002	31.152
2013	28	11.451	33	10.100	21.551
2014	42	20.196	33	12.771	32.967
<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>	<b>52.173</b>	<b>121</b>	<b>38.746</b>	<b>90.919</b>

**b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ chơi 29.685 triệu đồng, bao gồm:**

Trên cơ sở Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu và thực hiện rà soát danh mục thiết bị hiện có, danh mục thiết bị dạy học tự làm của các trường mầm non để xác định nhu cầu cần trang bị, Danh mục cần trang bị thiếu bị dạy học tối thiểu, thiết bị dùng chung, đồ chơi ngoài trời, bộ thiết bị cho trẻ em làm quen với chương trình kidsmart như sau:

- Chi mua sắm trang thiết bị tối thiểu và thiết bị dùng chung: 285 bộ thiết bị, đồ chơi tối thiểu và thiết bị dùng chung cho các lớp mầm non năm tuổi, bình quân 51,6 triệu đồng/bộ; tổng kinh phí là 14.710 triệu đồng.

- Bộ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non: 504 bộ đồ chơi ngoài trời, bình quân 50 triệu/ bộ, mỗi trường 4 bộ, mỗi năm, mỗi trường mua 2 bộ, mua trong 2 năm, tổng kinh phí là 12.600 triệu đồng.

- Mua bộ thiết bị cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ, tin học cho 95 lớp mẫu giáo năm tuổi (1/3 lớp mẫu giáo năm tuổi), bình quân 25 triệu đồng/bộ, tổng kinh phí là 2.375 triệu đồng.

**Biểu 2 : Tổng hợp kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ chơi**

Năm	Thiết bị tối thiểu và thiết bị dùng chung cho 1 lớp học		Đồ chơi ngoài trời cho 01 trường mầm non		Thiết bị cho trẻ em làm quen với chương trình Kidsmard		Tổng kinh phí (triệu đồng)
	Số lượng (bộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (bộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (bộ)	Kinh phí (triệu đồng)	
2011	285	14.710			95	2.375	17.085
2012			252	6.300			6.300
2013			252	6.300			6.300
2014							
<b>Cộng</b>	<b>285</b>	<b>14.710</b>	<b>504</b>	<b>12.600</b>	<b>95</b>	<b>2.375</b>	<b>29.685</b>

**c) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ trẻ em đến lớp là 30.595 triệu đồng, bao gồm**

- **Chi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên:** Tổng kinh phí bồi dưỡng, đào tạo giáo viên cho giai đoạn 2011-2014 là: 6.776 triệu đồng, chia ra:

+ Chi bồi dưỡng công tác quản lý hàng năm cho 300 người, bình quân 3 triệu đồng/người, tổng kinh phí là 900 triệu đồng.

+ Chi đào tạo nâng chuẩn cho cán bộ quản lý, giáo viên cho 610 người, bình quân 9,63 triệu đồng/người, tổng kinh phí khoảng 5.876 triệu đồng.

**Biểu 3: Tổng hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên**

Năm	Bồi dưỡng công tác quản lý		Đào tạo nâng chuẩn CBQL, GV		Tổng kinh phí (triệu đồng)
	Số lượng (CBQL)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (CBQL, GV)	Kinh phí (triệu đồng)	
2011			100	1.060	1.060
2012	100	300	180	1.908	2.208
2013	100	300	180	1.908	2.208
2104	100	300	150	1.000	1.300
<b>Cộng</b>	<b>300</b>	<b>900</b>	<b>610</b>	<b>5.876</b>	<b>6.776</b>

- **Chi hỗ trợ trẻ em đến lớp theo Quyết định số 239/QĐ-TTg:** Chi trợ cấp cho trẻ em mầm non năm tuổi có cha mẹ thường trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ không có nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện nghèo theo quy định của nhà nước. Mức trợ cấp 120 nghìn đồng/tháng (một năm học 9

tháng), bình quân khoảng 424 trẻ em/năm được hưởng. Tổng số tiền trợ cấp từ năm 2011 - 2014 là 1.832 triệu đồng. (Biểu 4).

**Biểu 4 : Tổng hợp kinh phí chi hỗ trợ tiền ăn cho trẻ năm tuổi**

Năm	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khu vực thành thị		Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khu vực đồng bằng		Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khu vực miền núi		Tổng số trẻ em được hỗ trợ ăn trưa	Tổng kinh phí (triệu đồng)
	Số lượng (trẻ em)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (trẻ em)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (trẻ em)	Kinh phí (triệu đồng)		
2011	266	287,25	27	29,25	131	141,5	424	458
2012	266	287,25	27	29,25	131	141,5	424	458
2013	266	287,25	27	29,25	131	141,5	424	458
2014	266	287,25	27	29,25	131	141,5	424	458
<b>Cộng</b>	<b>1.064</b>	<b>1.149</b>	<b>108</b>	<b>117</b>	<b>524</b>	<b>566</b>	<b>1.696</b>	<b>1.832</b>

2) Cân đối nguồn kinh phí thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011-2014 loại hình công lập: (biểu 5)

**Biểu 5 : Cân đối nguồn tài chính thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011-2014**

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giai đoạn				
	Giai đoạn 2011-2014	2011	2012	2013	2014
<b>I – Nhu cầu kinh phí (1+2+3)</b>	<b>129.212</b>	<b>23.852</b>	<b>40.118</b>	<b>30.517</b>	<b>34.725</b>
<b>1. Đầu tư xây dựng CSVC</b>	<b>90.919</b>	<b>5.249</b>	<b>31.152</b>	<b>21.551</b>	<b>32.967</b>
- Xây dựng phòng học	52.173	2.376	18.150	11.451	20.196
- Xây dựng khối phòng chức năng	38.746	2.873	13.002	10.100	12.771
<b>* Nguồn vốn thực hiện</b>	<b>90.919</b>	<b>5.249</b>	<b>31.152</b>	<b>21.551</b>	<b>32.967</b>
- Nguồn vốn đầu tư XDCB hàng năm	<b>84.919</b>	5.249	29.152	19.551	30.967
- Nguồn vốn CTMTQG 2011 – 2015	6.000		2.000	2.000	2.000
<b>2. Mua sắm thiết bị, đồ chơi</b>	<b>29.685</b>	<b>17.085</b>	<b>6.300</b>	<b>6.300</b>	<b>0</b>
- Thiết bị tối thiểu và dùng chung cho lớp năm tuổi	14.710	14.710	0	0	0
- Đồ chơi ngoài trời	12.600	0	6.300	6.300	0
- Thiết bị làm quen với chương trình Kidsmart	2.375	2.375		0	0
<b>* Nguồn vốn thực hiện</b>	<b>29.685</b>	<b>17.085</b>	<b>6.300</b>	<b>6.300</b>	<b>0</b>
- Nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm	19.700	15.100	2.300	2.300	0
- Nguồn vốn CTMTQG 2011 – 2015	7.985	1.985	3.000	3.000	0
- Học phí công lập	2.000		1.000	1.000	
<b>3. Đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên và hỗ trợ cho trẻ em năm tuổi</b>	<b>8.608</b>	<b>1.518</b>	<b>2.666</b>	<b>2.666</b>	<b>1.758</b>
- Bồi dưỡng công tác quản lý	900	0	300	300	300

- Đào tạo nâng chuẩn CBQL, giáo viên	5.876	1.060	1.908	1.908	1.000
- Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi	1.832	458	458	458	458
<b>Nguồn vốn thực hiện</b>	<b>8.608</b>	<b>1.518</b>	<b>2.666</b>	<b>2.666</b>	<b>1.758</b>
- Nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm	1.832	458	458	458	458
- Nguồn vốn CTMTQG 2011 – 2015	6.776	1.060	2.208	2.208	1.300
<b>II- Nguồn kinh phí thực hiện (1+2+3)</b>	<b>129.212</b>	<b>23.852</b>	<b>40.118</b>	<b>30.517</b>	<b>34.725</b>
<b>1. Ngân sách nhà nước hàng năm</b>	<b>114.227</b>	<b>21.867</b>	<b>34.118</b>	<b>24.517</b>	<b>33.725</b>
- Ngân sách chi đầu tư XDCB	84.919	5.249	29.152	19.551	30.967
- Nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm	29.308	16.618	4.966	4.966	2.758
<b>2. Nguồn ngân sách khác</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>
- Học phí công lập	2.000	0	1.000	1.000	0
<b>3. Ngân sách NN bổ sung từ CTMTQG GD&amp;ĐT</b>	<b>12.985</b>	<b>1.985</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>1.000</b>
- Ngân sách CTMTQG 2011 - 2015	12.985	1.985	5.000	5.000	1.000

Tổng kinh phí thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi là **129.212 triệu đồng**, chia ra:

a) **Ngân sách Nhà nước hàng năm của thành phố:** Giai đoạn 2011-2014 là 114.227 triệu đồng, trong đó năm 2011 là 21.867 triệu đồng, năm 2012 là 34.118 triệu đồng, năm 2013 là 24.517 triệu đồng, năm 2014 là 33.725 triệu đồng. Bao gồm:

- **Ngân sách chi đầu tư XDCB:** Giai đoạn 2011-2014 là 84.919 triệu đồng, trong đó năm 2011 là 5.249 triệu đồng, năm 2012 là 29.152 triệu đồng, năm 2013 là 19.551 triệu đồng, năm 2014 là 30.967 triệu đồng.

- **Ngân sách chi thường xuyên hàng năm**

Giai đoạn 2011-2014 là 29.308 triệu đồng, trong đó năm 2011 là 16.618 triệu đồng, năm 2012 là 4.966 triệu đồng, năm 2013 là 4.966 triệu đồng, năm 2014 là 2.758 triệu đồng.

\* Năm 2011, kinh phí mua sắm thiết bị 17.085 triệu đồng. Trong đó, chi từ chương trình mục tiêu là 1.985 triệu đồng, bố trí từ nguồn kinh phí dự phòng cho sự nghiệp GD&ĐT 15.100 triệu đồng để mua thiết bị dạy học tối thiểu và thiết bị dùng chung. Ngoài ra, bổ sung từ ngân sách thành phố 5.707 triệu đồng để:

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho học sinh thuộc đối tượng chính sách: 458 triệu đồng.

+ Chi đầu tư XDCB cho các trường mầm non: 5.249 triệu đồng

b) **Nguồn ngân sách khác**

Giai đoạn 2011-2014 là 2.000 triệu đồng, chủ yếu là nguồn thu học phí công lập để hỗ trợ mua sắm thiết bị ngoài trời, trong đó năm 2012 là 1.000 triệu đồng, năm 2013 là 1.000 triệu đồng

**c) Ngân sách đề nghị nhà nước bổ sung từ CTMTQG GD&ĐT**

Tổng kinh phí đề nghị bổ sung từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục năm 2011-2014 là 12.985 triệu đồng, chiếm khoảng 10 % trong tổng nguồn kinh phí chi thực hiện Đề án, trong đó năm 2011 là 1.985 triệu đồng, năm 2012 là 5.000 triệu đồng, năm 2013 là 5.000 triệu đồng, năm 2014 là 1.000 triệu đồng.

**3. Nhu cầu kinh phí đối với loại hình ngoài công lập**

Nhu cầu kinh phí dự toán thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi là 87.225 triệu đồng.

**4. Tổng kinh phí thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011-2014**

- Loại hình công lập: 129.212 triệu đồng
- Loại hình ngoài công lập: 87.225 triệu đồng

**Tổng cộng: 216.437 triệu đồng**

## **Phần thứ năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Cơ quan thường trực Đề án, chịu trách nhiệm chính về công tác Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, tham mưu về việc xây dựng và triển khai kế hoạch Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi trên phạm vi toàn thành phố;

b) Chỉ đạo các quận, huyện xây dựng kế hoạch và hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch của Ban chỉ đạo cấp quận, huyện;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành triển khai thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011 – 2014; chỉ đạo, hướng dẫn các quận, huyện, xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa những nội dung của đề án để triển khai thực hiện;

d) Phối hợp với các Sở, ngành xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới, hệ thống trường mầm non trên địa bàn thành phố; trình UBND thành phố phê duyệt;

đ) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng định mức ngân sách giai đoạn 2011-2014, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt;

e) Triển khai mua sắm trang thiết bị, đồ chơi cho toàn ngành theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo tiến độ và mặt bằng giá chung cho toàn thành phố;

g) Triển khai đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho toàn ngành;

h) Phối hợp với Sở Nội vụ và UBND huyện Hoà Vang xây dựng chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non người dân tộc thiểu số tại các trường mầm non có trẻ em người dân tộc học tập, báo cáo UBND thành phố;

i) Triển khai, hướng dẫn thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi; điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể và quy trình công nhận phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

k) Phối hợp với các sở, ngành, UBND các cấp làm tốt công tác tuyên truyền về Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

l) Tổ chức, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo UBND thành phố;

m) Kinh phí thực hiện công tác điều tra, kiểm tra và tổng kết được chi từ nguồn kinh phí thường xuyên của ngành GD&ĐT và chương trình mục tiêu quốc gia.

## **2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Phối hợp với Sở GD&ĐT, các Sở, ngành tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi và phát triển GDMN, bảo vệ quyền trẻ em được học đầy đủ Chương trình GDMN trước khi vào học lớp một;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non.

## **3. Sở Y tế**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

b) Phối hợp với Sở GD&ĐT kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường, lớp mầm non năm tuổi theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

## **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phân bổ vốn đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia GD&ĐT cho các đơn vị thực hiện Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; phối hợp với Sở GD&ĐT tổng hợp, thẩm định các dự án thuộc Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi báo cáo UBND thành phố phê duyệt;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở GD&ĐT xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm cho GDMN, huy động các nguồn tài trợ và đóng góp của nhân dân cho sự nghiệp phát triển GDMN;

c) Chủ trì phân bổ vốn đầu tư cho các quận, huyện thực hiện kế hoạch Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

## **5. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở GD&ĐT, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và triển khai cơ chế tài chính mới cho GD&ĐT giai đoạn 2010 – 2014;

b) Hướng dẫn sử dụng kinh phí, quản lý tài chính cho các loại hình trường mầm non, báo cáo UBND thành phố.

c) Hằng năm, trên cơ sở tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở GD&ĐT bố trí ngân sách cho Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

## **6. Sở Nội vụ**

Hằng năm, Sở Nội vụ xác định biên chế, lao động trên cơ sở trường, lớp

bậc học mầm non đủ số lượng theo định mức. Phối hợp với UBND các quận, huyện tổ chức tuyển dụng hợp đồng giáo viên mầm non đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

## **7. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Chỉ đạo các địa phương đảm bảo quỹ đất phát triển trường mầm non theo qui định, mở rộng các cơ sở chưa đảm bảo tiêu chuẩn, tạo điều kiện để phục vụ tốt việc giáo dục toàn diện cho trẻ các trường mầm non trong thành phố; đặc biệt quan tâm khu vực nội thị còn thiếu đất;

b) Chủ động phối hợp với Sở GD&ĐT xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới, hệ thống trường mầm non trên địa bàn thành phố. Ưu tiên giới thiệu địa điểm đất phục vụ cho xây dựng, mở rộng trường mầm non;

c) Trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trường học được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn, cung cấp thông tin quy hoạch, thoả thuận địa điểm đất phục vụ xây dựng trường học theo các quy định hiện hành.

## **8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình**

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, đồng thời tuyên truyền biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

## **9. UBND các quận, huyện**

a) Hằng năm UBND các quận, huyện chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT trong việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên mầm non;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn quận, huyện theo phân cấp quản lý, cụ thể:

- Xây dựng chương trình, dự án cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn;

- Chỉ đạo thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp mầm non; Chỉ đạo việc dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDMN mới; bảo đảm bố trí đủ ngân sách chi cho phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi và GDMN nói chung theo đúng quy định;

- Chỉ đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non trên địa bàn theo quy định;

- Triển khai công tác xây dựng cơ bản trên địa bàn nhằm đảm bảo tiến độ theo Đề án được duyệt.

- Huy động các nguồn lực, thực hiện tăng cường đồng bộ cơ sở vật chất, giáo viên để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi có chất lượng;



- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn;

c) Chỉ đạo phong trào vận động các tổ chức, ban, ngành hội đoàn thể, từng hộ gia đình tham gia tích cực phát triển GDMN, vận động trẻ em đến lớp, thực hiện Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

d) Huy động các nguồn lực, phấn đấu thực hiện đồng bộ về cơ sở vật chất, giáo viên, có chính sách hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, đồ dùng đồ chơi, đồ dùng học tập đối với trẻ em người dân tộc, trẻ em ở vùng khó khăn;

đ) Kiểm tra tiến độ thực hiện, kiểm tra công nhận cấp cơ sở và đề nghị cấp trên công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

#### **10. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

a) Tổ chức điều tra trẻ em trong độ tuổi phổ cập GDMN năm tuổi;

b) Lập các mẫu thống kê, báo cáo theo qui định;

c) Vận động cha mẹ có trẻ em trong diện phổ cập đưa trẻ ra lớp;

d) Tạo điều kiện cơ sở vật chất để mở lớp;

đ) Chi trả các khoản hỗ trợ về kinh phí được cấp;

e) Kiểm tra công tác phổ cập và tự kiểm tra theo tiêu chuẩn, hoàn tất các hồ sơ, thủ tục đề nghị ban chỉ đạo cấp trên kiểm tra công nhận.

#### **11. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò của phổ cập GDMN trong các tầng lớp hội viên phụ nữ; vận động phụ nữ tạo điều kiện cho con đi học, học đúng độ tuổi và không bỏ học giữa chừng... Tăng cường lồng ghép các hoạt động hỗ trợ khuyến học với các nhiệm vụ, phong trào của Hội như hoạt động: “Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”.

#### **12. Đề nghị Hội Khuyến học thành phố**

Chú trọng đến việc cấp học bổng cho trẻ năm tuổi diện nghèo; chỉ đạo các cấp Hội cơ sở phối hợp điều tra cơ bản theo dõi tình hình học tập của học sinh ở khu phố, tổ dân phố và có biện pháp giúp các địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em năm tuổi.

## **Phần thứ sáu**

### **TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

#### **1. Giai đoạn 2011 - 2012**

a) Bổ sung cán bộ quản lý mầm non vào Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục ở các cấp;

b) Khảo sát, đánh giá thực trạng về trẻ em năm tuổi, trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên dạy lớp năm tuổi;

c) Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Đề án để chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ nhằm huy động hầu hết trẻ em năm tuổi đến lớp và được chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ ngày;

d) Xây dựng và triển khai thực hiện định mức ngân sách mới giai đoạn 2011-2014;

đ) Thực hiện phân bổ ngân sách thường xuyên hàng năm, bảo đảm 100% kinh phí từ ngân sách chi thường xuyên cho trường công lập ở các xã miền núi;

e) Xây dựng đội ngũ:

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên mầm non đến năm 2014, năm học 2011-2012 có đủ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn dạy các lớp năm tuổi trong các trường mầm non công lập theo định mức quy định;

- Đào tạo nâng chuẩn và đào tạo mới, đến năm 2012 có 100% giáo viên dạy lớp năm tuổi trình độ trên chuẩn, có trình độ tin học cơ bản và đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên;

g) Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách học tại trường theo quy định;

h) Thực hiện Chương trình GDMN mới cho 100% lớp mầm non năm tuổi; trang bị cho 100% lớp mầm non năm tuổi đủ bộ thiết bị tối thiểu và bộ thiết bị dùng chung, 100% trường mầm non có máy vi tính và kết nối mạng Internet; 90% trường có đủ bộ đồ chơi ngoài trời;

i) Xây dựng 90% phòng học kiên cố cho lớp mầm non năm tuổi và 25% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia; trong đó có 05 xã khó khăn và miền núi;

k) Đến năm 2012 có 70% quận, huyện, thị xã được kiểm tra công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

## 2. Giai đoạn 2013 - 2014

a) Tiếp tục duy trì tỷ lệ huy động 100% số trẻ em mầm non năm tuổi thực hiện phổ cập;

b) Từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ em mầm non năm tuổi, phấn đấu đến năm 2014 đạt 7,209 triệu đồng/ năm từ ngân sách nhà nước;

c) Phân bổ ngân sách thường xuyên hàng năm, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; đối với khu vực nông thôn bảo đảm ít nhất từ 75% đến 80% kinh phí từ ngân sách chi thường xuyên cho các trường công lập kinh phí hoạt động;

d) Đảm bảo đủ phòng học kiên cố, đạt chuẩn cho 100% lớp mầm non năm tuổi và 50% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia;

đ) 100% giáo viên mầm non dạy lớp năm tuổi đạt trình độ đào tạo trên chuẩn và trình độ A tin học, ngoại ngữ và đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên;

e) Trang bị cho 40% trường còn lại đủ bộ đồ chơi ngoài trời;

g) Nâng cao chất lượng các lớp thực hiện Chương trình GDMN ở các xã miền núi;

h) Đến năm 2013, có ít nhất 95% xã, phường; 100% quận, huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

i) Năm 2014 hoàn thành công tác phổ cập cho 100% trẻ em năm tuổi trên địa bàn thành phố.